TOÀ ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ HUẾ** **TỈNH THỪA THIÊN HUẾ**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: **105/**QĐST-DS	*Thành phố Huế, ngày 17 tháng 5 năm 2024*

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ vào Nghị Quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016; quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Căn cứ vào biên bản hòa giải thành ngày 09 tháng 5 năm 2024 về việc các đương sự thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết toàn bộ vụ án Dân sự thụ lý số: 127/2024/TLST-DS ngày 17 tháng 4 năm 2024.

XÉT THẤY

Các thỏa thuận của các đương sự được ghi trong biên bản hòa giải thành về việc giải quyết toàn bộ vụ án là tự nguyện; nội dung thỏa thuận giữa các đương sự không vi phạm điều cấm của luật và không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản hòa giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Ngân hàng TMCP Đ1 (Viết tắt là B); Địa chỉ: A T, phường L, quận H, thành phố Hà Nội.

Người đại diện theo pháp luật của nguyên đơn: Ông Phan Đức T, chức vụ: Chủ tịch Hội đồng quản trị.

Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn: Ông Hồ Mộng T1, chức vụ: Giám đốc Ngân hàng TMCP Đ1 – chi nhánh T3; địa chỉ liên lạc: D H, phường P, thành phố H. (Theo Quyết định uỷ quyền số 963/QĐ-BIDV ngày 25/10/2021).

Người được uỷ quyền lại tham gia tố tụng: Bà Trương Thị Anh Đ, Giám đốc Phòng G thuộc Ngân hàng TMCP Đ1 – chi nhánh T3 (Văn bản ủy quyền số 0265/QĐ-BIDV-TTH ngày 19/3/2023).

- *Bị đơn:* Bà Võ Thị T2, sinh năm 1969; Địa chỉ: Tổ D, phường T, thị xã H, tỉnh Thừa Thiên Huế.

2. Sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

2.1. Về số tiền còn nợ và phương thức thanh toán:

Căn cứ theo Hợp đồng tín dụng số: 01/2022/17636250/HĐTD ngày 16/06/2022, các bên đương sự xác nhận tính đến ngày 09/5/2024, bà Võ Thị T2 còn nợ Ngân hàng TMCP Đ1 tổng số tiền: 3.951.374.000 đồng (làm tròn) (Bằng chữ: Ba tỷ chín trăm năm mươi mốt triệu ba trăm bảy mươi tư nghìn đồng); trong đó nợ gốc: 3.583.070.000đồng, nợ lãi trong hạn: 350.931.000 đồng (làm tròn), nợ lãi quá hạn: 17.373.000 đồng (làm tròn).

Các bên đương sự thoả thuận bà Võ Thị T2 có nghĩa vụ trả hết số tiền 3.951.374.000 đồng cho Ngân hàng TMCP Đ1 và khoản tiền lãi phát sinh theo các hợp đồng tín dụng đã ký kết kể từ ngày 10/5/2024 cho đến khi trả hết toàn bộ số nợ ngay sau khi Quyết định có hiệu lực pháp luật.

2.2. Về việc xử lý tài sản thế chấp: Trường hợp bà Võ Thị T2 không thực hiện nghĩa vụ trả nợ hoặc trả nợ không đầy đủ cho Ngân hàng TMCP Đ1 thì Ngân hàng TMCP Đ1 có quyền yêu cầu cơ quan thi hành án dân sự có thẩm quyền kê biên, phát mãi tài sản thế chấp để đảm bảo cho khoản vay là Quyền sử dụng đất theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số DĐ 841264 tại thửa đất số 33, tờ bản đồ số 13 địa chỉ số G Đường M, Phường T, Thị xã H, Tỉnh Thừa Thiên Huế do Sở tài nguyên và môi trường tỉnh T cấp ngày 13/06/2022 cho bà Võ Thị T2. Số vào sổ cấp GCN: CS01436 theo Hợp đồng thế chấp bất động sản số 01/2022/17636250/HĐBĐ ký ngày 14/06/2022 và toàn bộ tài sản gắn liền trên đất tại thửa đất số 33, tờ bản đồ số 13 địa chỉ số G Đường M, Phường T, Thị xã H, Tỉnh Thừa Thiên Huế theo Hợp đồng thế chấp tài sản số 01/2022/17636250/HĐTC ngày 14/06/2022.

Trường hợp sau khi xử lý tài sản thế chấp mà không đủ thanh toán số tiền còn nợ, bà Võ Thị T2 có nghĩa vụ tiếp tục trả nợ cho Ngân hàng TMCP Đ1 đến khi hết nợ.

2.3. Về chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ: Ngân hàng TMCP Đ1 tự nguyện chịu toàn bộ và đã nộp đủ.

2.4. Về án phí dân sự sơ thẩm:

Án phí dân sự sơ thẩm là 55.713.000 đồng, (làm tròn). Các đương sự thỏa thuận bị đơn là bà Võ Thị T2 có trách nhiệm chịu toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm.

Trả lại cho Ngân hàng TMCP Đ1 số tiền tạm ứng án phí đã nộp 54.977.000 đồng theo Biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0003439 ngày 17/4/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Huế, tỉnh Thừa Thiên Huế.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngày sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

4. Trường hợp quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự, được bổ sung theo Luật sửa đổi, bổ sung Luật thi hành án dân sự năm 2014, thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và Điều 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh TT Huế;
- VKSND Tp Huế;
- CC THADS Tp Huế;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

THẨM PHÁN

Trần Thị Thu Hằng